TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **57/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 14/6/2024
Về việc tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Long Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiếu;

2. Ông Võ Minh Quang.

***- Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thảo Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ánh B**, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị B vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/5/2024.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn xin ly hôn đề ngày 13/3/2024, bản tự khai ngày 09/4/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh B trình bày như sau:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị B và anh V tự nguyện tiến tới hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B vào năm 2021. Thời gian đầu sống chung có hạnh phúc nhưng đến tháng 8/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung và anh chị đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay, mỗi người một cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai. Nay, thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh V.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 01 chung tên là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 01/8/2021. Hiện cháu M đang sống chung với anh V. Khi ly hôn, chị B đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Không có.

- *Về nợ chung:* Không có.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đã tống đạt hợp lệ cho anh Nguyễn Văn V các văn bản tố tụng nhưng anh V vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa xét xử vụ án mặc dù anh vẫn còn sinh sống tại địa phương nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh Nguyễn Văn V.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn vắng mặt không lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh B đối với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 01/8/2021 cho anh Nguyễn Văn V được nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện chị Nguyễn Thị Ánh B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị B khai không có, nên không xét đến.

- Về nợ chung: Chị B khai không có, nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ánh B khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn V1 đó, quan hệ pháp luật tranh chẤp Arong vụ án này được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Nguyễn Văn V2 đăng ký thường trú và hiện đang sinh sống tại Ấp C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị Ánh B vắng mặt và có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 07/5/2024. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[4] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị B và anh V cưới nhau vào năm 2021 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B,

tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 24 tháng 02 năm 2021 theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh V được công nhận hợp pháp.

Nay, chị B yêu cầu ly hôn anh V vắng mặt nên không có lời khai. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của chị B trong quá trình giải quyết vụ án, đều xác định được cuộc sống vợ chồng của anh chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nên anh chị đã ly thân từ tháng 8/2023 cho đến nay, mỗi người đã có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai.

Toà án đã tiến hành mời chị B và anh V để hoà giải, nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V vẫn vắng mặt không lý do, điều đó cho thấy anh V đã không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân này.

Vậy, có cơ sở để Hội đồng xét xử xác định giữa chị B và anh V đã không còn quan tâm, chăm sóc đến cuộc sống của nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Điều đó cũng chứng tỏ hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị B là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Trong quá trình sống chung giữa chị B và anh V có 01 chung tên là Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 01/8/2021. Hiện cháu M đang sống chung với anh V. Khi ly hôn, chị B đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi ly thân đến nay, anh V nuôi con chung vẫn phát triển bình thường. Do đó, nhằm để đảm bảo sự ổn định, hạn chế xáo trộn môi trường sống, giao dục của con chung nên để anh V được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh B khai không có nên không xét đến.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh B khai không có nên không xét đến.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Ánh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 14 Điều 3, các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ánh B đối với anh Nguyễn Văn V. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh B và anh Nguyễn Văn V.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ánh B và anh Nguyễn Văn V theo Giấy chứng nhận kết hôn số 10 ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 01/8/2021 cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Nguyễn Thị Ánh B không cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Ánh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Nguyễn Thị Ánh B trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, đồng thời theo yêu cầu của chị B, anh V, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và thay đổi yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Ánh B khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ánh B khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ánh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003483 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vậy, chị Nguyễn Thị Ánh B đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh B, anh Nguyễn Văn V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Đại Hòa Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Long Hồ